

Số: 32A/2023/QĐST-HNGĐ

Bạc Liêu, ngày 13 tháng 02 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 42/2023/TLST – HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2023 giữa:

* Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thanh D, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số 85/4, khóm H, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

* Bị đơn: Anh Đoàn Trúc L, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số 85/4, khóm H, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 02 năm 2023.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 02 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Thanh D và anh Đoàn Trúc L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về hôn nhân: Chị Trần Thị Thanh D và anh Đoàn Trúc L thuận tình ly hôn.

2.2 Về con chung: Có 02 con chung tên Đoàn Trọng T, sinh ngày 06/12/2004 và Đoàn Trúc T1, sinh ngày 15/9/2011. Hiện nay các con đang sống chung với chị D và anh L.

Giao cháu Đoàn Trúc T1 cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục sau khi ly hôn. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung: Anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu T1 số tiền mỗi tháng là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng/tháng) cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 3 năm 2023.

Đối với con chung tên Đoàn Trọng T do đã trưởng thành, chị D và anh L thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nuôi dưỡng nên không đặt ra xem xét.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: Tài sản chung tự thỏa thuận phân chia, nợ chung không có.

2.4 Về án phí:

Chị Trần Thị Thanh D phải chịu 150.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng. Chị D đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008361 ngày 03/02/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được chuyển thu án phí 300.000 đồng.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP. Bạc Liêu;
- Chi cục THADS TP. Bạc Liêu;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu.

Trần Minh Tân